

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thú y; Chuyên ngành: Thú y

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Hoàng Yến

2. Ngày tháng năm sinh: 25/12/1981; Nam ☐ Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): SN03, ngõ 50, TDP An Đào, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: BT20, Hoa Viên, TDP1, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

Điện thoại di động: 0982595128; E-mail: nthyen@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 03 năm 2005 đến tháng 09 năm 2007: Giảng viên, khoa Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ.

- Từ tháng 10 năm 2007 đến 03 năm 2013: Giảng viên, khoa Thú y, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Từ tháng 04 năm 2013 đến tháng 03 năm 2017: Nghiên cứu sinh, khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Miyazaki, Nhật Bản.

- Từ tháng 04 năm 2017 đến tháng 11 năm 2020: Giảng viên, khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Từ tháng 11 năm 2020 đến 06 năm 2025: Giảng viên chính, khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Chủ tịch Công đoàn khoa Thú y; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Chủ tịch Công đoàn khoa Thú y

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Ký sinh trùng, khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 84.024.62617586

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 06 năm 2004; số văn bằng: B495766; ngành: Thú y, chuyên ngành: Thú y; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

- Được cấp bằng ThS ngày 05 tháng 05 năm 2010; số văn bằng: 002729; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Thú y; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 03 năm 2017; số văn bằng: 44; ngành: Thú y; chuyên ngành: Thú y; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Miyazaki, Nhật Bản

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi-Thú y-Thủy sản.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Định danh (dựa vào hình thái và sinh học phân tử) một số tác nhân gây bệnh cho động vật và người: giúp xác định chính xác loài hoặc chủng tác nhân gây bệnh, từ đó hỗ trợ chẩn đoán và điều trị hiệu quả. Việc kết hợp giữa quan sát hình thái học và phân tích gen cho phép nâng cao độ chính xác trong phân loại, đặc biệt đối với các tác nhân gây bệnh có hình thái tương đồng nhưng độc lực và cơ chế gây bệnh khác nhau.

- Nghiên cứu sự lưu hành, đặc điểm gây bệnh và phòng trị một số tác nhân gây bệnh cho người và động vật: giúp hiểu rõ mức độ phổ biến, mùa vụ, giống loài và vùng địa lý phân bố của các tác nhân này. Đồng thời, việc phân tích đặc điểm gây bệnh còn cung cấp thông tin về cơ chế xâm nhập, khả năng lây truyền và mức độ tổn thương, từ đó hỗ trợ xây dựng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả.

- Phát triển và ứng dụng một số kỹ thuật chẩn đoán tác nhân gây bệnh cho động vật và người: giúp nâng cao khả năng phát hiện bệnh một cách nhanh chóng, chính xác và phù hợp với điều kiện thực tế. Việc áp dụng các phương pháp hiện đại như sinh học phân tử, miễn dịch học hay các phương pháp chẩn đoán thường quy không chỉ hỗ trợ công tác thú y và y tế dự phòng, mà còn góp phần giảm thiểu nguy cơ lây lan dịch bệnh giữa động vật và người.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 0 (không) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn: 03 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 cấp cơ sở (chủ nhiệm); 01 cấp Bộ (thư ký).
- Đã công bố (số lượng): 40 bài báo khoa học, trong đó 9 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín; 8 bài tham luận tại các Hội thảo trong nước và quốc tế.
- Đã được cấp (số lượng): 0 (không) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 02, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm 2021, 2023, 2024.
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2023-2024 theo thông báo số 133/HVN-TCCB, ngày 25 tháng 03 năm 2025.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức Nhà giáo; thường xuyên học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất, đạo đức, tư tưởng chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Giữ gìn uy tín, danh dự của Nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người học.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các công việc khác do cơ quan công tác giao phó.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Ứng viên có hơn 20 kinh nghiệm năm giảng dạy trình độ Đại học và sau Đại học. Trong thời gian này, ứng viên luôn hoàn thành tốt và hoàn thành vượt định mức giảng dạy các môn học được phân công.

+ Hướng dẫn các nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học (nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học mà ứng viên hướng dẫn vào đến vòng bán kết của cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học 2024 - Eureka), chủ trì các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, tham gia các đề tài nghiên cứu cấp Bộ, đề tài hợp tác; chủ động nghiên cứu khoa học và phối hợp với đồng nghiệp trong và ngoài cơ quan công tác thực hiện nghiên cứu khoa học; tham gia vào các nhóm nghiên cứu mạnh, nghiên cứu xuất sắc của đơn vị công tác. Sản phẩm của kết quả nghiên cứu là các công trình khoa học được công bố hàng năm ở các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước.

+ Là thành viên của các Hội đồng đánh giá thuyết minh/nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (cấp cơ sở và cấp Bộ); các hội đồng đánh giá sinh viên nghiên cứu khoa học, khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án. Hướng dẫn sinh viên hoàn thành khoá luận tốt nghiệp, học viên thực hiện Luận văn Thạc sĩ.

+ Tham gia viết giáo trình phục vụ môn học được phân công.

+ Tham gia tổ chức các Hội thảo, Hội nghị khoa học cấp Quốc gia: Hội nghị Ký sinh trùng toàn quốc năm 2019, Hội thảo Bệnh lý quốc tế năm 2019, Hội nghị Chăn nuôi thú y toàn quốc 2023.

+ Tham gia vào tổ rà soát chương trình đào tạo ngành Thú y trình độ đại học và thạc sĩ; kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Bác sĩ thú y AUN - QA - 2022).

+ Tham gia vào công tác đoàn thể (Phó Chủ tịch công đoàn Khoa), công tác Đảng (tổ trưởng tổ Đảng Ký sinh trùng-Thú y cộng đồng) của đơn vị.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm 4 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020	\	\	\	16	243	10	253/912,3/270
2	2020-2021	\	\	01	18	251	5	256/820,6/270
3	2021-2022	\	\	01	03	168	60	228/700,9/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	\	\	01	12	160	65	225/954,8/270
5	2023-2024	\	\	0	11	274	15	289/905,7/270
6	2024-2025	\	\	0	11	244	30	274/783,8/300

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Nhật Bản, năm 2017.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Tới		x	x		10/2019 - 10/2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng: 20/05/2021 QĐ tốt nghiệp số 1989/QĐ-HVN, ngày 29 tháng 04 năm 2021
2	Nguyễn Thị Mai Anh		x	x		11/2020- 05/2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng: 01/12/2021 QĐ tốt nghiệp số 5118/QĐ-HVN, ngày 25 tháng 10 năm 2021
3	Trần Thị Trinh		x	x		05/2021- 10/2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng: 30/12/2022 QĐ tốt nghiệp số 7432/QĐ-HVN, ngày 27 tháng 12 năm 2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Giáo trình Kỹ sinh trùng thú y	Sách giáo trình	Học viện Nông nghiệp - 2019	7	Nguyễn Văn Thọ	Chương 13. Sán dây ký sinh và bệnh do sán dây gây nên (từ trang 238 đến trang 270)	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách: số 1120/HVN-NXB, ngày 21 tháng 06 năm 2022
2	Thực hành Kỹ sinh trùng thú y	Sách giáo trình	Học viện Nông nghiệp - 2021	8	Bùi Khánh Linh	Bài 2. Định danh một số loài sán lá ký sinh và trứng sán lá (từ trang 69 đến trang 82)	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách: số 1119/HVN-NXB, ngày 21 tháng 06 năm 2022

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Một số đặc điểm sinh học của nhục bào tử trùng, bước đầu thử nghiệm điều trị bệnh trên chó	CN	T2010-03-11, cấp cơ sở	01/2010 - 12/2010	21/02/2011 Xếp loại KQ: Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Xác định thành phần ký sinh trùng ký sinh trên đường tiêu hóa của đàn bò nuôi tại xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội	CN	T2018-03-27, cấp cơ sở	01/2018 - 12/2018	08/03/2019 Xếp loại KQ: Tốt
2	Nghiên cứu phát triển chế phẩm sinh học có nguồn gốc thảo dược nhằm kiểm soát ve trên trâu, bò tại Việt Nam.	TK	ĐTTN. 21/23, Cấp Bộ	01/2023-12/2024	29/12/2024 Xếp loại KQ: đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
BÀI BÁO KHOA HỌC								
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, dịch tễ học của sán lá tuyến tụy <i>Eurytrema</i> spp. ký sinh ở trâu, bò, dê vùng đồng bằng sông Hồng và biện pháp phòng trừ	3		Tạp chí Khoa học và phát triển (nay là Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam)/ISSN: 3093-3668			9(5): 759-765	10/2011
2	Một số đặc điểm sinh học của ốc <i>Bythinia</i> spp. và đặc điểm bệnh lý bệnh sán lá gan nhỏ do <i>Clonorchis sinensis</i> gây ra	8		Tạp chí Khoa học và phát triển (nay là Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam)/ISSN: 3093-3668			10(3): 444-450	6/2012
3	Một số đặc điểm dịch tễ bệnh sán lá gan nhỏ do <i>Clonorchis sinensis</i>	5		Tạp chí Khoa học và phát triển (nay là Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam)/ISSN: 3093-3668		2	10(1):142-147	10/2012
4	Evaluation of real-time PCR assay for the detection of <i>Ascaris suum</i>	6	x	Journal of Food and Safety/eISSN/ISSN: 1745-4565/0149-6085	ISI (1.053, Q3)	2	37(2): e12301	7/2016

	contamination in meat and organ meats							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
5	IgG antibody development in chickens infected with <i>Toxocara canis</i> , <i>Toxocara cati</i> , <i>Ascaris suum</i> , and <i>Ascaridia galli</i> by enzyme-linked immunosorbent assay	4	x	Journal of Malaria and Parasite Diseases Control/ISSN: 0868-3735			6(102): 9-17	6/2017
6	Development of nested multiplex polymerase chain reaction (PCR) assay for the detection of <i>Toxocara canis</i> , <i>Toxocara cati</i> and <i>Ascaris suum</i> contamination in meat and organ meats	7		Parasitology International/ISSN: 1873-0329	ISI (2.04, Q2)	22	67(5): 622-626	6/2018
7	Khảo sát sự lưu hành của giun móc (<i>Ancylostoma</i> spp.) truyền lây sang người trên chó nuôi tại Hà Nội và Phú Thọ và một số đặc điểm của chó mắc bệnh	6		Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ISSN: 1859-4751			25(8): 42-49	12/2018
8	Đánh giá thực trạng nhiễm một số loài giun tròn truyền lây từ chó sang người	8		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng/ISSN: 0868-3735			2(104): 35-40	6/2018
9	Nghiên cứu một số đặc điểm bệnh lý của bệnh biên trùng trên bò do <i>Anaplasma marginale</i> gây ra	8		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng/ISSN: 0868-3735			2(104): 87-92	6/2018
10	Establishment of a serodiagnosis system for the detection of <i>Toxocara</i> spp. and <i>Ascaris suum</i> infection in chickens	6	x	Parasitology International/ISSN: 1873-0329	ISI (1.94, Q2)	1	75: 1020-22	11/2019
11	Tình trạng nhiễm ký sinh trùng đường tiêu hóa trên đàn bò nuôi	6	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ISSN: 3030-4458			17(1): 29-37	6/2019

	tại Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội							
12	Tính đa hình đơn nucleotide trong phân đoạn gen mã hóa enzyme cathepsin d aspartic protease của loài giun móc truyền lây <i>Ancylostoma ceylanicum</i> .	7		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ISSN: 3030-4458			17(3): 196-203	8/2019
13	Hiệu quả của một số phương pháp xét nghiệm phân tìm trứng giun sán và noãn nang cầu trùng ở chó	5	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ISSN: 3030-4458			17(5): 371-378	12/2019
14	Thực trạng nhiễm ký sinh trùng đường ruột trên chó và sự tiềm ẩn nguy cơ truyền lây của chúng sang người	5	x	Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ISSN: 1859-4751			27(8): 63-71	12/2020
15	Detection of <i>Ascaris suum</i> in the livers of chickens infected naturally by the nested multiplex PCR assay	7	x	Vietnam Journal of Agricultural Sciences/ISSN: 2588-1299		1	3(2): 606-611	4/2020
16	Application of a real-time PCR assay for the detection of <i>Ascaris suum</i> DNA in the liver of of experimentally infected chickens	4	x	The Journal of Veterinary Medical Science/ISSN/eISSN: 0916-7250/1347-7439	ISI (1.1, Q3)	1	83(4):671-674	3/2021
17	Đánh giá sự phát triển của trứng giun đũa chó <i>Toxocara canis</i> trong các môi trường formol 1%, formol 2%, formol 4% và acid sunfuric 0,1N	5	x	Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ISSN: 1859-4751			28(4): 59-67	6/2021
18	Tình hình mắc bệnh ghẻ tai do <i>Otodectes cynotis</i> gây ra ở mèo và thử nghiệm phác đồ điều trị	7		Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ISSN: 1859-4751			28(9): 90-96	12/2021
19	Xác định kháng thể kháng giun đũa chó mèo <i>Toxocara</i> spp. và giun đũa lợn <i>Ascaris</i>	7	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ISSN: 3030-4458			19(2): 230-239	1/2021

	suum ở gà nuôi thả vườn							
20	Tỷ lệ nhiễm <i>Otodectes cynotis</i> ở chó mang đến khám tại Bệnh viện thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam và một số phác đồ điều trị	6		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 3030-4458			20(2): 184-191	1/2022
21	Bước đầu xác định thực trạng nhiễm ký sinh trùng đường ruột trên mèo ở một số địa điểm tại Hà Nội và Hải Dương	3	x	Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ISSN: 1859-4751			29(4): 50-56	6/2022
22	Một số chỉ tiêu huyết học của bò nhiễm biên trùng tại Ba Vì, Hà Nội	5		Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN: 1859-4751			29(5): 66-71	7/2022
23	Cải tiến phương pháp thu ấu trùng giun đũa chó <i>Toxocara canis</i> để tách chiết kháng nguyên chất tiết phục vụ xét nghiệm phát hiện kháng thể ở người Việt Nam	6		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng/ISSN: 0868-3735			2(128): 10-17	5/2022
24	Một số chỉ tiêu huyết học ở bò sữa Holstein Friesian nhiễm <i>Theileria</i> spp. tại tỉnh Hà Nam	8		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 3030-4458			21(11): 1455-1462	12/2023
25	Identification of three <i>Toxocara</i> species, <i>T. canis</i> in dogs and <i>T. cati</i> , <i>T. malaysiensis</i> in cats in Vietnam by PCR-RFLP analysis and DNA sequencing	4	x	Vietnam Journal of Agricultural Sciences/ISSN: 2588-1299			6(4): 1917-1923	12/2023
26	Detection of <i>Rhabditis (Rhabditella) axei</i> in diarrhea feces of domestic pigeons (<i>Columba livia</i>)	5	x	Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics/ISSN: 1859-476X			291: 83-87	8/2023
27	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của phương pháp kết hợp điều trị giun kim <i>Syphacia obvelata</i> trên chuột	3	x	Tạp chí vaccine và chế phẩm y tế/ISSN: 2815-6269			3(4): 55-64	12/2023

	nhất trắng bằng cách sử dụng ivermectin 0.1%							
28	Molecular identification of sparganum of <i>Spirometra mansoni</i> isolated from the abdominal cavity of a domestic cat in Vietnam	5	x	The Journal of Veterinary Medical Science/ISSN: 0916-7250	ISI (1.14, Q2)	1	86(1): 96-100	1/2024
29	Phát hiện và định danh loài giun kim <i>Syphacia obvelata</i> ký sinh trên chuột thí nghiệm	2	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ISSN: 3030-4458			22(5): 631-638	1/2024
30	Duck Tembusu virus in North Vietnam: epidemiological and genetic analysis reveals novel virus strains	10		Frontiers in Veterinary Science/ISSN: 2297-1769	ISI (2.6, Q1)	3	11: 1366904	5/2024
31	Tình hình nhiễm ký sinh trùng trên bò câu qua xét nghiệm phân và sự phát hiện giun tròn <i>Procephalobus</i> sp. trong phân bò câu	2	x	Tạp chí KHKT Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			302: 66-71	9/2024
32	Đánh giá hiệu quả diệt ve bò <i>Rhipicephalus</i> của chế phẩm nano nhũ hóa từ tinh dầu sả	9		Tạp chí KHKT Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			305: 78-83	12/2024
33	Đánh giá hiệu quả sử dụng Selamectin trong điều trị bọ chét và ghẻ tai trên chó, mèo	8		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ISSN: 3030-4458			23(3): 299-305	1/2025
34	Thành phần loài rùa và tình trạng mắc giun tròn trên rùa tại trung tâm cứu hộ động vật Hà Nội	3	x	Tạp chí KHKT Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			307: 78-83	2/2025
35	Phân tích hệ gen của Duck circovirus ở vịt nuôi tại tỉnh Quảng Ninh năm 2024	6		Tạp chí KHKT Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			308: 59-64	4/2025
36	Molecular Identification of the Fleas <i>Ctenocephalides</i>	3	x	International Journal of Veterinary	Scopus (2.27, Q2)		14(3): 487-491	01/2025

	<i>felis</i> and Tapeworm <i>Dipilydium caninum</i> Isolated from Fleas in Companion Dogs and Cats around Hanoi, Vietnam			Science/ISSN: 2305-4360				
37	Detection of <i>Ancylostoma ceylanicum</i> and <i>Toxascaris leonina</i> in Bengal Tigers (<i>Panthera tigris</i>) and Asian black Bears (<i>Ursus thibetanus</i>) Captured at Hanoi Wildlife Rescue Center, Vietnam.	3	x	World's Veterinary Journal/ ISSN: 2322-4568	Scopus (1.7, Q3)		15(2): 283-291	6/2025
38	Thực trạng bệnh ghẻ tai ở mèo và biện pháp phòng trị ở một số phòng khám thú y tại Hà Nội	6		Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ISSN: 1859-4751			32(4):84-90	6/2025
39	Thực trạng nhiễm ký sinh trùng trên bò nuôi tại một số trang trại phía Bắc Việt Nam	2	x	Tạp chí KHKT Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			310: 58-63	6/2025
40	Co-circulation and genetic characterization of genotype I and II feline bocavirus strains in domestic cats from Northern Vietnam	8		Veterinary World ISSN: 2231-0916	ISI (1.7, Q1)		18(6): 1590-1598	6/2025
BÁO CÁO KHOA HỌC								
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
41	Study on detection of <i>Ascaris suum</i> larval contamination in meat products by real-time PCR system	7	x	Hội nghị ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 84 (Nhật Bản)			2D-16: p96	3/2015
42	Detection of <i>Ascaris suum</i> larvae exsited in meat products by real-time PCR	6	x	Hội thảo Thú y toàn quốc lần thứ 158 (Nhật Bản)			CO-36: p309	9/2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

43	The serological identification of ascarid infections in free-range chickens	5	x	Hội nghị ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 85 (Nhật Bản)			W-02: p45	3/2016
44	Candidate antigens for specific detection of ascarid infection in chickens	5	x	Hội thảo Thú y toàn quốc lần thứ 159 (Nhật Bản)			CO-52: p343	9/2016
45	Phylogenetic analysis of hookworms in Vietnam.	5		Hội thảo Thú y toàn quốc lần thứ 159 (Nhật Bản)			CO-46: p342	9/2016
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
46	Evaluation the prevalence of intestinal helminthes in free-range chickens in Miyazaki prefecture, Japan and Bac Giang province, Vietnam	4	x	Hội thảo Bệnh lý thú y thế giới (Việt Nam)			PPF-32: p85	10/2019
47	A case of a domestic cat infected with sparganum of <i>Spirometra erinaceieuropaei</i> in abdominal cavity, Vietnam	1	x	Hội thảo sinh học lần thứ IV-2021 (International Biology Conference 2021)			PVO-09: p57	10/2021
48	Confirmation of the presence of <i>Toxocara</i> species in dogs and cats in Vietnam	4	x	Hội thảo sinh học lần thứ V-2022 (International Biology Conference 2021)			AB-O03	8/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 10, 36, 37.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hoàng Yến